

TẬP HỢP LIÊN TỪ **ПОТОМУ** TRONG CÂU PHỨC HỢP ĐẲNG LẬP TIẾNG NGÀ VÀ PHƯƠNG THỨC TRUYỀN ĐẠT SANG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN NGỌC CHINH
(TS, Đại học Đà Nẵng)

1. Mở đầu

Trong bất cứ ngôn ngữ nào phạm trù kết quả luôn bao gồm hai hiện tượng, đó là nguyên nhân và kết quả. Nguyên nhân là những gì tồn tại trước và mang lại kết quả [1,479]. Ví dụ như hiện tượng A, nhờ có A mà có hiện tượng B. Hiện tượng B được gọi là hành động, kết quả của nguyên nhân A. Hiện tượng gây ra một hiện tượng khác đó là nguyên nhân, nếu không có nguyên nhân thì cũng không có kết quả.

Trong tiếng Nga, ý nghĩa kết quả được biểu đạt trong câu phức hợp phụ thuộc với phần phụ chỉ kết quả bằng liên từ **так что**: *Велик город, и много любопытного в нём, так что первое время Илья плохо помогал деду.* (М.Максим Горький)/(Thành phố rất lớn và có nhiều điều thú vị, cho nên lần đầu tiên Ilya giúp ông rất ít). Ngoài ra, ý nghĩa kết quả còn được biểu đạt bằng cấu trúc câu phức đẳng lập với liên từ **и**: *Становилось жарко, и я поспешил домой.* (Лерм.)/*Trời trở nên nóng, nên/cho nên tôi vội vã trở về nhà.* Sau đây bài báo sẽ nghiên cứu, phân tích đặc điểm cú pháp cũng như phương thức truyền đạt của tập hợp liên từ **и потому** trong câu phức hợp đẳng lập tiếng Nga và phương thức truyền đạt sang tiếng Việt.

2. Đặc điểm cú pháp của liên từ **и** trong tiếng Nga

So với các liên từ khác biểu đạt ý nghĩa kết quả, liên từ **и** mang tính chất khá thú vị, khác biệt. Câu phức đẳng lập với liên từ **и** là một loại

câu có cấu trúc đóng (закрытая структура) và chặt (негибкая структура) [3,609], có nghĩa là trong câu luôn có hai phần được sắp đặt theo một trật tự nghiêm ngặt, phần chính chỉ nguyên nhân luôn đứng trước, còn phần phụ với liên từ chỉ kết quả luôn đứng sau. Câu phức đẳng lập loại này biểu đạt những tình huống xảy ra không cùng thời gian, không quy định lẫn nhau hoặc biểu đạt các sự kiện, hiện tượng xảy ra theo trật tự (sự luân phiên - [3, 618] các hiện tượng và chúng quy định lẫn nhau như ý nghĩa: nguyên nhân-kết quả, điều kiện-kết quả, điều kiện-thời gian, kết quả-hệ quả (результативно-следственные).

Ví dụ: *Ему отвели квартиру, и он поселился в крепости* (Лерм).

Để biểu đạt mối quan hệ khách quan, liên từ **и** có thể kết hợp và được bổ sung về nghĩa bởi các yếu tố trợ từ (связные элементы) khác, trong đó có yếu tố **потому** chỉ ý nghĩa kết quả trong tiếng Nga. Ở đây, yếu tố **потому** làm chức năng rõ nghĩa cho liên từ **и** và có những phương thức truyền đạt sang tiếng Việt rất đa dạng. Sau đây là những thống kê, khảo sát và phân tích tập hợp của liên từ **и** và **потому** và các yếu tố tương đương trong tiếng Việt.

Trong câu phức đẳng lập, có nhiều liên từ hoặc tập hợp liên từ có thể biểu đạt ý nghĩa nhân - quả, trong đó liên từ **и** được sử dụng nhiều hơn cả [2, 617-620], nó có thể kết nối các phần, các phát ngôn lại với nhau biểu đạt ý nghĩa nhân-quả:

Командир мельком взглянул на окурок, и Вася Чухов тотчас же незаметно смахнул его за борт. (К.Паустовский, Музыка Вердди).

(Vị chỉ huy thoáng nhìn mẩu thuốc, và Vaxia Tsukhop tức khắc gạt khế nó xuống biển) (Mộng Quỳnh dịch).

Câu phức hợp đẳng lập trên gồm phần chính nối với phần phụ bằng liên từ **u/và**, chúng chỉ ý nghĩa kết quả. Khác với các loại câu phức đẳng lập khác, loại câu phức đẳng lập luân phiên nguyên nhân-kết quả với liên từ **u** có các đặc trưng sau: thứ nhất là các phần trong câu không thể đảo vị trí trong câu được, thứ hai là chúng không bình đẳng nhau về nghĩa. Ví dụ : *Я позвонила, и не тотчас отворила дверь пожилая служанка.* /Tôi bấm chuông và không phải ngay tức thì một người hầu ra mở cửa.

3. Phương thức truyền đạt tập hợp liên từ **u** *nomomy* sang tiếng Việt

Như trên đã trình bày, cấu trúc có tập hợp liên từ **u** *nomomy* là một dạng rất phổ biến trong câu phức đẳng lập tiếng Nga chỉ ý nghĩa kết quả. Việc xác định nghĩa nhân - quả trong những câu trên với các liên từ, đặc biệt là liên từ **u** đều phụ thuộc vào ngữ cảnh. Các phương tiện liên từ khác chỉ trực tiếp mối quan hệ cú pháp giữa các phần của câu. Liên từ đẳng lập phổ biến **u** có thể được làm rõ nghĩa bằng những từ sử dụng trong khi nối với liên từ **u** hoặc không cần liên từ trên. Ví dụ:

А один Наполеон умел понять революцию, победить её, и потому для общего блага он не мог остановиться перед жизнью одного человека. (Л.Толстой, Анна Каренина, 59).

(Duy chỉ có Napôlôn là hiểu được cách mạng, thắng được nó, nên vì lợi ích chung, ông ta phải hy sinh tính mạng một cá nhân, chứ không thể lùi bước được) (Nguyễn Hiến Lê dịch).

... концессий и потому подобного все были ему приятели и не могли обойти своего; и Облонскому не нужно было

особенно стараться, чтобы получить выгодное место. (Л.Толстой, Анна Каренина, 34).

(... tất cả đều là bạn bè của ông và chả lẽ họ lại bỏ rơi người thân, cho nên Ôblônxi chẳng phải chột vật gì cũng kiếm được một chỗ làm nhiều bổng lộc) (Nhị Ca, Dương Tường dịch).

Cấu trúc câu phức hợp đẳng lập với liên từ **u** và các yếu tố làm rõ nghĩa *nomomy* có thể được truyền đạt bằng nhiều yếu tố tương đương trong tiếng Việt. Khảo sát 315 trường hợp, có thể nói rằng, tập hợp liên từ **u** *nomomy* với ý nghĩa chỉ kết quả trong câu phức đẳng lập tiếng Nga là được sử dụng nhiều hơn cả. Cấu trúc kết quả loại này có thể được truyền đạt bằng nhiều yếu tố tương đương khác nhau trong tiếng Việt.

Trước hết tập hợp liên từ **u** *nomomy* tiếng Nga được dịch bằng liên từ **nên**:

Она действительно была тяжёлая. В еловых ишиках много смолы, и потому они весят гораздо больше сосновых. (К. Паустовский, Корзина с еловыми ишиками).

(Cái lẵng quả là khá nặng. Quả cây thông tán nhọn có nhiều nhựa, nên nó nặng hơn quả của loại thông khác) (Kim Ân dịch)

Và do đó

Câu phức hợp đẳng lập tiếng Nga với tập hợp liên từ **u** *nomomy* có thể được dịch bằng tập hợp từ **và do đó** trong tiếng Việt:

Раз избрав направление, он уже никогда не сомневался и не колебался и потому был уверен, что никогда не ошибался. (Л.Толстой, Воскресение).

(Một khi đã chọn một hướng đi nào, anh ta không bao giờ nghi ngờ, do dự và do đó tin chắc là mình không bao giờ lầm) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ưông dịch).

Zero (Ø)

Thậm chí trong một vài trường hợp tập hợp liên từ **u** *nomomy* không cần được dịch (truyền đạt) bằng bất cứ yếu tố tương đương nào trong tiếng Việt. Tuy nhiên ý nghĩa kết quả vẫn được biểu đạt khá rõ ràng (kí hiệu là Ø):

Партия, в которой шла Маслова, отправляясь с вокзала в три часа, и потому, чтобы видеть выход партии из острога и с ней вместе дойти до вокзала железной дороги, Нехлюдов намеревался приехать в острог раньше двенадцати (Л.Толстой, Воскресение, 361).

(Đoàn tàu chở tù trong đó có Maxlova sẽ rời ga vào hồi ba giờ chiều. Nhêxliudốp sẽ tới nhà lao trước mười giờ để kịp thấy đoàn tù rời nhà lao và theo họ đi đến ga xe lửa một thể) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch)

Vậy nên

Được dùng trong một vài trường hợp:

Нехлюдов читал много, но урывками, и отсутствие ответа приписывал такому поверхностному изучению, надеясь впоследствии найти этот ответ, и потому не позволяя себе ещё верить в справедливость того ответа, который в последнее время все чаще и чаще представлялся ему (Л.Толстой, Воскресение).

(Nhêxliudốp đọc nhiều lắm, nhưng rời rạc từng mảnh, không có hệ thống. Chàng đổ tại mình hơi mệt cho nên không thể nào tìm ra được câu trả lời. Chàng hi vọng sau này sẽ tìm thấy, vậy nên chàng không dám để cho mình tin vào sự chân xác của lời giải đáp ít lâu nay thường vẫn hiện ra luôn luôn trong đầu óc mình) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

Cho nên

Разумеется, все эти Идерские, Казанские и Смоленские - очень грубое идолопоклонство, но народ любит это и верит в то, и потому надо поддерживать эти суеверия (Л.Толстой, Воскресение).

(Tất cả những chuyện thờ cúng tượng thánh Đức mẹ nữ đồng trinh ở Ibêri, Cadan, ở Xmôlen, cố nhiên chỉ là sự sùng bái thô kệch; nhưng quần chúng thích thể và tin, cho nên phải duy trì những chuyện mê tín đó) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

Bởi vậy

И потому адвокат был очень удивлен, когда Нехлюдов не дослушав его последней истории о предступлениях высших чинов, простился с ним и, взяв извозчика, поехал домой, на набережную (Л.Толстой, Воскресение).

(Bởi vậy, y hết ngạc nhiên khi thấy Nhêxliudốp, không đợi y kể nốt câu chuyện cuối cùng về những chuyện phạm pháp của bọn quan chức cao cấp, đã cáo từ và nhảy lên một chiếc xe ngựa về nhà) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

Vì thế

Доктор этот делал всякие послабления арестантам и потому постоянно входил в неприятные столкновения с начальством тюрьмы и даже с старшим доктором (Л.Толстой, Воскресение).

(Bác sĩ này đối xử dễ dãi với phạm nhân, vì thế thường có chuyện va chạm với ban giám đốc nhà lao và ngay cả với viên bác sĩ trưởng) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

Vì ... nên

До острога было далеко, а было уже поздно, и потому Нехлюдов взял извозчика и поехал к острогу (Л.Толстой, Воскресение).

(Vì nhà lao ở xa, vả lại đã muộn, nên Nhêxliudốp thuê một chiếc xe ngựa để đi) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

Vì như vậy

Не только сослать в места не столь отдаленные, но в каторгу, если только будет доказано, что, читая Евангелие, они позволили себе толковать его другим не так, как велено, и потому осуждали церковное толкование (Л.Толстой, Воскресение).

(Không những nó cho phép đẩy họ đến những nơi xa xôi mà cả khổ sai nữa, nếu có chứng cứ rằng, khi đọc những bản kinh thánh Phúc âm, những người nông dân kia đã tự tiện giảng cho người khác theo một ý nghĩa không giống ý nghĩa mà giáo hội đã quy định; vì như vậy là chỉ trích lời giảng chính thức của nhà thờ) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

Và vì thế

К утру только Нехлюдов заснул и потому на другой день проснулся поздно. (Л.Толстой, *Воскресение*)

(Đến gần sáng, chàng mới ngủ đi được và vì thế dậy rất muộn) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

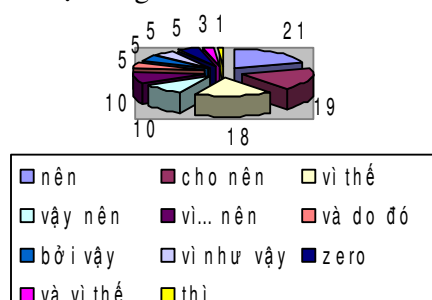
Thì

... Кроме этого, я теперь еду в Сибирь, и потому ни дом, ни мнения мне не нужны, – говорил один голос (Л.Толстой, *Воскресение*).

(Và lại ta sẽ đi Xêbiri thì còn cần gì đến nhà cửa ruộng đất nữa! – Một tiếng nói cất lên) (Vũ Đình Phòng, Phùng Ung dịch).

Ở trường hợp trên, từ nối **thì** biểu đạt ý nghĩa kết quả - nguyên nhân [9,47]. Trong số những yếu tố chỉ ý nghĩa kết quả thì các từ **và do đó, vì như vậy, và vì thế** mang tính chất biểu cảm hơn cả.

Như vậy, tập hợp liên từ **u nomomy** trong tiếng Nga được truyền đạt (dịch) bằng rất nhiều yếu tố tương đương trong tiếng Việt. Điều đó được thể hiện bằng biểu đồ như sau :



Ghi chú : nên : 21%, cho nên : 19%, vì thế : 18%, vậy nên : 10%, vì...nên : 10%, và do đó : 5%, bởi vậy : 5%, vì như vậy : 5%, zero (Ø): 5%, và vì thế : 3%, thì : 1%.

4. Kết luận

Cấu trúc câu phức đẳng lập với tập hợp từ **u nomomy** với ý nghĩa kết quả trong tiếng Nga là một cấu trúc rất thú vị đối với những người nghiên cứu, học tập tiếng Nga như một ngoại ngữ. Xem xét, phân tích và thống kê đã cho chúng ta thấy sự phong phú, đa dạng của một cấu trúc câu phức trong Nga ngữ hiện đại có tập hợp từ **u nomomy**. Tập hợp liên từ trên, khi thì

được chuyển mã (truyền đạt) bằng yếu tố **nên, cho nên**, lúc thì bằng **vì...nên, và do đó, thì, ...** thậm chí có trường hợp bằng cả hình thái **zero** (Ø) – một hình thái rất phổ biến đối với nhiều hiện tượng ngôn ngữ khi được hiểu và truyền đạt sang một ngoại ngữ khác, đã cho chúng ta bức tranh toàn cảnh về cách dùng một yếu tố ngôn ngữ khi được truyền đạt sang một ngôn ngữ khác. Điều đó là không tránh khỏi khi mà giao lưu ngôn ngữ, văn hóa giữa các dân tộc, giữa các quốc gia là đương nhiên, và trong bối cảnh đó thì ngoại ngữ là chìa khóa, là công cụ để hội nhập kinh tế, làm cho kinh tế Việt Nam xích lại gần hơn với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Кондаков Н.И. (1975), *Логический словарь – справочник*, “Наука”, Москва.
2. *Русская грамматика* (1980), АН СССР, Т. II, Синтаксис, Под ред.: Н.Ю. Шведовой, “Наука”, Москва.
3. *Современный русский язык* (1984), Под редакцией Д.Э. Розенталя, “Высшая школа”, Москва, стр 609.
4. Nguyễn Ngọc Chinh (2001), *Quan hệ nguyên nhân-kết quả trong tiếng Nga và tiếng Việt và các phương tiện biểu đạt chúng*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn (bản tiếng Nga), Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001.
5. Nguyễn Ngọc Chinh (2003), *Sự giống nhau và khác nhau trong mối quan hệ nhân quả trong Ngữ pháp tiếng Nga*. Viện HLLH 1980 và Ngữ pháp Viện HLLH 1954, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐHQĐN, số 3/2003.
6. Nguyễn Ngọc Chinh (2005), *Khảo sát cấu trúc phức hợp đẳng lập có liên từ “u” trong tiếng Nga đối chiếu với tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, số 7(117), tr.23-27.
7. Nguyễn Ngọc Chinh (2009), *Khảo sát cấu trúc có liên từ và “Ommozo что” trong tiếng Nga và cấu trúc có liên từ cặp “Sở dĩ... vì/là vì” trong tiếng Việt*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 5(34), tr.168-175.
8. Nguyễn Ngọc Chinh (2009), *Некоторые синтаксические признаки союза “потому что” (В сопоставлении с Вьетнамским)*, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, Trường Đại học Hà Nội, số 21, tr.32-40.
9. Nguyễn Ngọc Chinh (2002), Đề tài KHCN cấp Bộ “*Phương tiện biểu đạt quan hệ kết quả trong ngôn ngữ (Đối chiếu Nga-Anh-Việt)*”, MS: B2002-16-10, Đà Nẵng.
(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-03-2010)